TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 08-12-2020
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thảo.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Phước.
Bà Nguyễn Thị Diệu Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Nhung – Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Tính – Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2020 về *"Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 149/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị N, sinh năm: 1985 *(Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)*.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Chí C, sinh năm: 1982 *(Vắng mặt không lý do)*.

- *Con chung* của ông Nguyễn Chí C và bà Lê Thị N là cháu Nguyễn Hữu P, sinh ngày 16-9-2010 *(Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)*.

Cùng địa chỉ: ấp AĐC, xã TB, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện đề ngày 16-4-2020, bản tự khai ngày 02-5-2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị N trình bày:*

Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Chí C đi đến hôn nhân do tự quen biết nhau, được cha mẹ hai bên chấp nhận, có tiến hành lễ cưới vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TB vào ngày 22-01-2010. Nữ trang ngày cưới có đôi bông tai 01 chỉ vàng 24K, một sợi dây chuyền 02 chỉ vàng 24K, một tấm lắc đeo tay 02 chỉ vàng 24K, quá trình chung sống vợ chồng thống nhất bán hết vàng

cưới để sử dụng chung nên hiện không còn. Sau ngày cưới, thời gian đầu vợ chồng chung sống có hạnh phúc. Đến khoảng năm 2013 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do những bất đồng quan điểm nên thường xuyên cự cải, ông C hờ hững, không quan tâm đến vợ con, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Từ khoảng tháng 10 năm 2015 ông C bỏ đi làm ở thành phố Hồ Chí Minh và sống ly thân với bà cho đến nay. Vào năm 2018 bà có khởi kiện đến Tòa án xin ly hôn với ông C, đã được thụ lý vụ án, nhưng sau đó vì thương con, muốn vợ chồng có thêm cơ hội hàn gắn hôn nhân, nên bà đã rút lại đơn. Ông C biết bà làm đơn xin ly hôn, mà vẫn hờ hững, không quan tâm, không ý kiến hàn gắn, nên bà khởi kiện lại và nay bà giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Chí C.

Về con chung: Bà và ông Nguyễn Chí C chỉ có một con chung là cháu Nguyễn Hữu P, sinh ngày 16-9-2010, hiện đang sống chung với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu giải quyết theo nguyện vọng của con muốn sống với cha hoặc mẹ đều được. Theo đơn khởi kiện, bà yêu cầu người không trực tiếp nuôi con phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi con chung tròn 18 tuổi, nhưng nay bà thay đổi không yêu cầu vấn đề cấp dưỡng nuôi con nữa, vì suốt thời gian dài sống ly thân với ông C bà đủ khả năng để nuôi tốt con chung, nên khi ly hôn bà không cần ông C cấp dưỡng nuôi con nếu con chung có nguyện vọng sống chung với bà.

Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả: Bà xác định bà và ông Nguyễn Chí C quá trình chung sống không tạo lập tài sản chung, hiện nay không nợ ai, cũng không ai nợ bà và ông C, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Lê Thị N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên không có lời trình bày.

** Đối với bị đơn ông Nguyễn Chí C:* Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã nhiều lần triệu tập, thông báo và niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng, nhưng ông C đều vắng mặt không lý do, do đó Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Qua xác minh với chính quyền địa phương ấp AĐC, xã TB, huyện C, tỉnh Trà Vinh cho biết từ trước đến nay ông C có hộ khẩu thường trú và sinh sống cùng nhà với mẹ ruột là bà Phạm Thị Q tại ấp AĐC, xã TB, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Từ cuối tháng 4 năm 2020 đến nay ông C rời khỏi địa phương đi làm ăn ở xa nhưng lâu lâu có về thăm nhà. Tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông C đến tham dự phiên tòa xét xử vụ án lần thứ hai, nhưng ông C tiếp tục vắng mặt, không có lời khai, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 22-5-2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, cháu Nguyễn Hữu P trình bày:* Cha mẹ cháu là Nguyễn Chí C và Lê Thị N. Từ nhỏ đến nay cháu sống chung với mẹ. Trường hợp cha mẹ cháu ly hôn, thì nguyện vọng của cháu là muốn được sống chung với mẹ, vì cháu sống với mẹ đã quen.

Tại phiên tòa hôm nay, cháu Nguyễn Hữu P có đơn xin vắng mặt, nên không có lời trình bày.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:* Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa thụ lý đến thời điểm này Thẩm phán đã chấp hành đúng theo Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp và tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng đã thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự; đối với bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Vị đề nghị áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N: Cho bà N được ly hôn với ông Nguyễn Chí C; Về con chung tên Nguyễn Hữu P, sinh ngày 16-9-2010 giao cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của cháu P là muốn sống với mẹ; Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà N chưa đặt ra yêu cầu, nên không xem xét; Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này; Về tài sản chung và nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết. Ngoài ra, Vị đề nghị nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Càng Long nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bà Lê Thị N là nguyên đơn trong vụ án có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt do bận công việc làm, không có mặt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Lê Thị N theo luật định. Đối với ông Nguyễn Chí C là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án nhân dân huyện C tống đạt (niêm yết) hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập nhiều lần đến tham dự các phiên làm việc tại Tòa, nhưng ông C đều vắng mặt không lý do. Ngày 23-11-2020, Tòa án triệu tập hợp lệ ông để tham gia phiên tòa xét xử vụ án vào lúc 07 giờ 30 phút tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C nhưng ông C vắng mặt không lý do. Ngày 08-12-2020, Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đối với ông C để tham gia phiên tòa xét xử vụ án vào lúc 07 giờ 30 phút tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C nhưng ông C vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Nguyễn Chí C.

[2] *Về hôn nhân*: Xét thấy bà Lê Thị N và ông Nguyễn Chí C xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TB vào ngày 22-01-2010, nên hôn nhân của bà N, ông C là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bà N cho rằng nguyên nhân do ông C sống không quan tâm đến gia đình, không quan tâm vợ con, thường xuyên vắng nhà và sống ly thân với bà N từ khoảng tháng 10 năm 2015 đến nay mà vợ chồng không hàn gắn lại được. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, thời gian ly thân của vợ chồng đã kéo dài, nên bà N cương quyết xin được ly hôn với ông C. Đối với ông Nguyễn Chí C theo xác minh của Tòa án với người thân trong gia đình ông, thì ông có biết việc bà N xin ly hôn với ông, đồng thời ông cũng được Tòa án tiến hành các thủ tục tống đạt (niêm yết) hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về phiên đối chất,… nhưng ông không đến Tòa, không cung cấp lời khai, cũng không cung cấp bất kỳ chứng cứ nào để chứng minh tình trạng hôn nhân giữa ông với bà N. Ông không thể hiện thiện chí về việc mong muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng với bà N, mà còn bỏ khỏi địa phương và không thông báo nơi đến cho Tòa án biết.

[3] Xét thấy gia đình là tế bào của xã hội, là cái nôi nuôi dưỡng con người, là môi trường quan trọng để hình thành và giáo dục nhân cách con người, gia đình tốt thì xã hội mới tốt, xã hội tốt thì gia đình càng tốt. Do đó, vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và bền vững. Bà N, ông C xác lập hôn nhân từ năm 2010, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng thời gian dài. Quá trình sống chung, có những lúc chưa thống nhất về quan điểm cuộc sống, về cách ứng xử giao tiếp với nhau, đáng lẽ ra ông bà phải biết tự điều chỉnh hành vi bản thân, xử sự cho có lý, có tình, cùng góp ý, tôn trọng lẫn nhau để tìm cách giải quyết mọi vấn đề phát sinh trong cuộc sống hôn nhân một cách tốt đẹp nhất, để bảo vệ hạnh phúc gia đình. Nhưng khi có bất đồng xảy ra, vợ, chồng không hài hòa về cách cư xử của bản thân, đã tự ý sống ly thân với nhau, làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt và dần mất đi.

[4] Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau,…"*, nhưng bà N, ông C đã không thực hiện được các nghĩa vụ này với nhau. Hiện tại, ông bà mỗi người mỗi việc, sống ở hai nơi khác nhau, không còn quan tâm, cũng không liên hệ để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

[5] Theo các Biên bản tiếp xúc và xác minh các ngày 07-7-2020, 29-10-2020 của Tòa án với chính quyền địa phương ấp AĐC - xã TB, với bà Phạm Thị Q (mẹ ruột của ông C), với ông Nguyễn Chí Lh (anh ruột của ông C) và với người dân tại nơi cư trú của vợ chồng bà N, ông C cho biết: Sau ngày cưới, bà N, ông C sống chung bên quê của ông C tại ở ấp AĐC - xã TB - huyện C, tuy không biết cụ thể mâu thuẫn trong cuộc sống chung giữa ông C, bà N, nhưng có biết giữa vợ chồng

ông C, bà N có xảy ra cự cải với nhau, thấy vợ chồng họ đã không còn chung sống với nhau thời gian dài và bà N đã bỏ về ở bên nhà mẹ ruột hơn ba năm nay. Còn về tài sản chung hay nợ chung thì ở tại địa phương AĐC - xã TB không ai có tranh chấp hay khiếu nại gì đối với bà N, ông C.

[6] Tòa án đã tiến hành mời hòa giải vào các ngày 22-5-2020, 02-7-2020 để bà N, ông C có cơ hội gặp nhau trao đổi về tình trạng hôn nhân giữa hai người, nhưng ông C đều vắng mặt không lý do.

[7] Vào năm 2018, bà N có đơn khởi kiện ly hôn với ông C, được Tòa án thụ lý vụ án hôn nhân - gia đình ngày 25-5-2018. Quá trình giải quyết, qua phân tích, giải thích của Tòa án, bà N tự nguyện rút đơn khởi kiện để tạo thêm cơ hội hàn gắn quan hệ hôn nhân với ông C và được Tòa án quyết định đình chỉ giải quyết vụ án ngày 25-9-2018. Tuy nhiên, thời gian từ tháng 9 năm 2018 cho đến nay hơn hai năm, nhưng cuộc sống chung giữa bà N, ông C vẫn không hạnh phúc, việc hàn gắn không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng vẫn tiếp diễn, dẫn đến việc bà N tiếp tục khởi kiện ra Tòa yêu cầu ly hôn với ông C.

[8] Từ những nhận định trên, thấy rằng đời sống chung của vợ chồng bà N, ông C đang trong tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Tại phiên tòa, bà N xác định tình cảm vợ chồng không còn và cương quyết ly hôn với ông C là có cơ sở, phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần chấp nhận yêu cầu, cho bà N được ly hôn với ông C.

[9] *Về con chung*: Bà Lê Thị N và ông Nguyễn Chí C có một người con chung tên Nguyễn Hữu P, sinh ngày 16-9-2010, hiện đang sống chung với bà N. Tại phiên tòa, bà N giữ nguyên ý kiến chưa đặt ra yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con trường hợp con muốn sống chung với bà. Tại biên bản lấy lời khai ngày 22-5-2020 cháu P nêu nguyện vọng muốn được sống chung với mẹ trường hợp khi giải quyết cha mẹ ly hôn. Tại các Biên bản tiếp xúc và xác minh các ngày 07-7-2020, 29-10-2020 của Tòa án với chính quyền địa phương ấp AĐC - xã TB đều cho biết trong thời gian ông C, bà N sống ly thân thì con chung do bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng tốt cho đến nay. Do đó, cần xử cho bà N được quyền nuôi con là phù hợp với quy định pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của con chung. Vì bà N chưa đặt ra yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] *Về tài sản chung và về nợ chung phải thu, phải trả*: Bà Lê Thị N xác định quá trình chung sống bà và ông Nguyễn Chí C không tạo lập tài sản chung, không nợ ai, cũng không ai nợ bà và ông C, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Đối với ông C đều vắng mặt không lý do tại các phiên mời làm việc tại Tòa án, nên không có lời trình bày của ông về xác định tài sản chung, nợ chung của vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

[11] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Bà Lê Thị N có nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 70, 144, 147, 227, 228, 244, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 26, Điều 27, Tiểu mục 1.1 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Chí C.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Hữu P, sinh ngày 16-9-2010 cho bà Lê Thị N tiếp tục nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của con chung là muốn được sống chung với mẹ.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Lê Thị N chưa đặt ra yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Bà Lê Thị N và ông Nguyễn Chí C không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Lê Thị N và ông Nguyễn Chí C không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Lê Thị N phải chịu 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai số AA/2018/0008335 ngày 24-4-2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Tân Bình;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Thảo